

# NHU CẦU SỐ LIỆU THỐNG KÊ PHỤC VỤ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

PGS.TS. Đỗ Văn Thành\*

## Tóm tắt:

*Phân tích định lượng chính sách công thường sử dụng các mô hình dự báo KT-XH được xây dựng dựa trên số liệu, đặc biệt là số liệu thống kê. Do các loại chính sách công phục vụ điều hành, quản lý KT-XH là rất lớn, bài báo này chỉ tập trung vào trình bày nhu cầu số liệu thống kê phục vụ phân tích một số chính sách kinh tế quan trọng nhất, là công cụ được sử dụng phổ biến nhất trong công tác chỉ đạo điều hành và quản lý nền kinh tế của Chính phủ.*

## 1. Giới thiệu

Phân tích chính sách nhằm phục vụ xây dựng và điều chỉnh chính sách, làm cho chính sách được ban hành phù hợp, khả thi và hiệu quả hơn. Nước ta đang trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong khi công cụ chủ yếu để điều hành và quản lý nền kinh tế thị trường là các chính sách kinh tế bởi vậy việc phân tích chính sách kinh tế nói riêng, chính sách công nói chung có vai trò rất quan trọng trong xây dựng và phát triển KT-XH ở nước ta.

Bài viết này sẽ tập trung trả lời một số câu hỏi chính sau đây:

1. Có những loại chính sách KT-XH (hay chính sách công) nào?
2. Mục đích của phân tích chính sách là gì? Phương pháp chung để phân tích chính sách công là gì?
3. Phương pháp phân tích định lượng chính sách công chủ yếu nào đang được sử dụng hiện nay?
4. Nhu cầu số liệu thống kê trong mô phỏng và phân tích, đánh giá tác động của

\* Nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin và Dự báo KT-XH quốc gia

một số chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng nhất?

5. Nhu cầu số liệu thống kê phục vụ phân tích chính sách kinh tế vĩ mô theo luồng dữ liệu thời gian thực?

## 2. Các chính sách công

Phạm vi của các chính sách công (chính sách do Nhà nước ban hành) là rất rộng lớn và nó có thể được phân loại theo nhiều cách tiếp cận khác nhau như phân theo phạm vi ảnh hưởng của chính sách (vĩ mô, trung mô, vi mô), theo thời gian phát huy hiệu lực của chính sách (dài hạn, trung hạn, ngắn hạn), theo cấp độ ban hành chính sách (do Quốc hội, Chính phủ hay chính quyền cấp địa phương ban hành) hay theo lĩnh vực tác động của chính sách.

Nếu phân loại theo lĩnh vực tác động thì các chính sách công có thể được phân thành 5 nhóm: (1) chính sách kinh tế, (2) chính sách xã hội, (3) chính sách văn hóa, (4) chính sách đối ngoại, và (5) chính sách an ninh, quốc phòng [1], ở đây mỗi nhóm chính sách lại là một hệ thống phức tạp bao gồm nhiều loại chính sách khác nhau. Chẳng hạn, nhóm chính sách kinh tế gồm các chính

sách nhằm phát triển đất nước. Nhóm này đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong các chính sách công và tạo tiền đề cho thực hiện các chính sách công khác. Nhóm chính sách kinh tế gồm nhiều loại chính sách như: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ - tín dụng, chính sách kinh tế đối ngoại, chính sách phân phối, chính sách cơ cấu kinh tế, chính sách điều tiết và phát triển các ngành kinh tế, chính sách cạnh tranh, chính sách phát triển các loại thị trường, chính sách phát triển kinh tế vùng, ..., trong khi đó nhóm chính sách xã hội gồm các chính sách nhằm giải quyết các mối quan hệ xã hội, làm cho xã hội phát triển công bằng, văn minh. Nhóm chính sách xã hội gồm: chính sách lao động việc làm, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, chính sách an sinh xã hội, chính sách chăm sóc sức khỏe toàn dân, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách bảo vệ môi trường, chính sách phòng chống tệ nạn xã hội,... Nói như vậy cũng hàm ý rằng trong một bài viết là không thể giới thiệu được đầy đủ nhu cầu số liệu thống kê phục vụ phân tích các chính sách công. Vì thế ở bài viết này chúng tôi chỉ tập trung vào trình bày nhu cầu số liệu thống kê trong phân tích định lượng một số chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng nhất.

Như đã biết, mục tiêu của chính sách kinh tế vĩ mô được xem xét hài hòa ở cả 3 phương diện: mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và mục tiêu cơ cấu kinh tế. Về mục tiêu kinh tế: các chính sách kinh tế vĩ mô cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát thấp, việc làm tăng, thất nghiệp thấp, và ổn định cán cân thanh toán quốc tế. Về mục tiêu xã hội: các chính sách kinh tế vĩ mô cần đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội. Về mục tiêu

cơ cấu kinh tế: các chính sách kinh tế vĩ mô cần hướng các cơ cấu của nền kinh tế như cơ cấu các ngành kinh tế, cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu hạ tầng kinh tế và cơ cấu lãnh thổ theo hướng phù hợp, tiên tiến và hiện đại. Với mục tiêu như vậy thì các chính sách tài chính, chính sách tiền tệ - tín dụng, chính sách cơ cấu kinh tế và chính sách kinh tế đối ngoại là những chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng nhất, và bài viết này sẽ tập trung trình bày nhu cầu số liệu thống kê để phân tích 4 chính sách kinh tế vừa nêu này.

### 3. Mục đích và phương pháp chung trong phân tích chính sách công

Mục đích chung của phân tích chính sách công là nhằm tạo ra các phương án nhằm chọn ra quyết sách hợp lý để giải quyết những vấn đề mang tính xã hội.

Nội dung của phân tích chính sách công bao gồm: Phân tích vấn đề chính sách, phân tích mục tiêu và phân tích giải pháp. Phân tích chính sách cần có thông tin, số liệu như: số liệu về tình hình KT-XH: đó là số liệu phản ánh về diễn biến và thực trạng của đời sống KT-XH có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới tiến trình chính sách; thông tin chính trị: đó là những diễn biến chính trị có thể làm thay đổi chính sách; thông tin quy phạm: là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đang còn có hiệu lực (chính sách mới được ban hành không được vi phạm những văn bản này) và thông tin khoa học và công nghệ: nhất là những tiến bộ khoa học, công nghệ có liên quan đến lĩnh vực chính sách.

Việc phân tích chính sách được bắt đầu bằng việc xác định bộ ba bộ phận cấu thành [1]: mục tiêu chiến lược của chính sách, bối

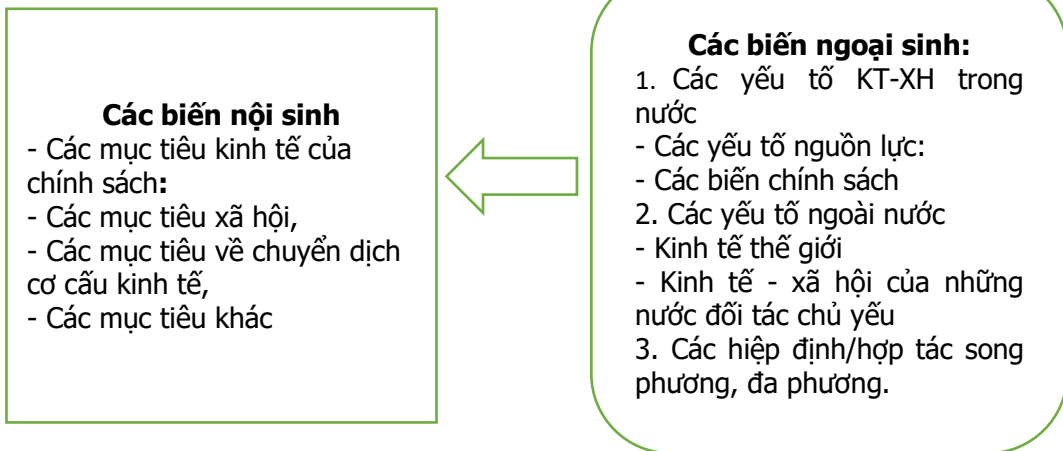
cảnh KT-XH trong và ngoài nước, và các chỉ tiêu đo lường kết quả thực hiện chính sách, ở đây bối cảnh KT-XH trong và ngoài nước gồm các nguồn lực (lao động, vốn, tài nguyên, công nghệ, thông tin, ...), các chủ thể KT-XH như các hộ gia đình, các tổ chức nhà nước, các tổ chức KT-XH khác như công đoàn, doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề, ...; các chính sách cũ còn hiệu lực có liên quan, tình hình KT-XH thế giới và những nước đối tác chủ yếu của nền kinh tế, và các chỉ tiêu đo lường kết quả thực hiện. Nhiệm vụ của phân tích chính sách là xác định và đánh giá mối quan hệ giữa các biến của 3 bộ phận cấu thành nêu trên.

Nhu cầu thông tin, số liệu phục vụ phân tích chính sách đang ở giai đoạn thực hiện và ở giai đoạn hoạch định chính sách cũng có một số khác biệt. Để phân tích và đánh giá chính sách đang được thực thi người ta cần có thêm thông tin phản hồi. Đó là thông tin thu được từ các chủ thể trong xã hội nhận xét, đánh giá về chính sách. Thông qua những thông tin như vậy Nhà nước có thể nhận biết thái độ của các chủ thể về những chính sách này để điều chỉnh sao cho nó phù hợp và khả thi hơn. Nhưng trong giai đoạn hoạch định chính sách thì rất cần những thông tin dự báo, trong đó đặc biệt là những dự báo được dựa trên nền tảng khoa học, nhận được từ các mô hình dự báo KT-XH. Bài viết này đặc biệt chú ý đến nhu cầu thông tin số liệu thống kê phục vụ việc phân tích chính sách ở giai đoạn hoạch định chính sách.

#### **4. Phân tích định lượng các chính sách kinh tế vĩ mô**

Nói chung việc phân tích đánh giá chính sách công thường phải kết hợp cả phương pháp phân tích định tính với phương pháp định lượng. Để phân tích định lượng các chính sách công cần sử dụng các công cụ định lượng, trong đó nhất là sử dụng các mô hình dự báo KT-XH. Ở tầm vĩ mô, có 3 loại dự báo chủ yếu: Dự báo đánh giá tác động sự kiện, Dự báo thời điểm xảy ra sự kiện và dự báo kinh tế-xã hội. Hai loại dự báo đầu tiên thường được thực hiện trong lĩnh vực đối ngoại, an ninh và quốc phòng trong khi cả 3 loại dự báo đó đều xảy ra trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó loại dự báo thứ 3 là chủ yếu. Do khuôn khổ có hạn, bài viết này chỉ tập trung vào loại dự báo thứ 3.

Nói chung các mô hình dự báo kinh tế - xã hội đều có cả hai khả năng: dự báo và mô phỏng, phân tích đánh giá tác động của các chính sách. Các mô hình dự báo mạnh về khả năng mô phỏng và đánh giá tác động chính sách thường là các mô hình dự báo lớn, có rất nhiều biến số tham gia vì thế tiềm ẩn nguy cơ làm giảm độ chính xác dự báo bằng sử dụng mô hình. Việc xây dựng mô hình dự báo KT-XH đều mạnh cả về 2 khả năng nói trên là rất khó vì thế người ta phải chọn phương án đánh đổi hoặc dung hòa. Cụ thể là tùy theo mục đích sử dụng khác nhau, ở từng trường hợp người ta xây dựng các mô hình dự báo tập trung chỉ vào khả năng dự báo hoặc chỉ vào khả năng mô phỏng và phân tích đánh giá tác động chính sách, trong trường hợp cần có cả hai thì phải chấp nhận dung hòa, tức là chấp nhận độ chính xác của dự báo và/hoặc khả năng mô phỏng, phân tích và đánh giá tác động chính sách bằng sử dụng mô hình có thể bị giảm.



**Hình 1:** Mô phỏng và đánh giá tác động của các chính sách KT-XH bằng sử dụng mô hình dự báo

Hình 1 là minh họa phương pháp mô phỏng, phân tích và đánh giá tác động chính sách bằng sử dụng mô hình dự báo KT-XH. Về bản chất mô hình dự báo KT-XH là một hệ phương trình toán học biểu diễn quan hệ của các biến nội sinh theo trực tiếp các biến ngoại sinh hoặc thông qua một số biến trung gian khác.

Việc mô phỏng và phân tích đánh giá tác động của chính sách được thực hiện bằng cách thiết lập các bộ giá trị được thiết kế khác nhau của một số biến ngoại sinh gồm: một số biến về nguồn lực trong nước, một số biến chính sách (liên quan trực tiếp đến chính sách sẽ ban hành), một số biến phản ánh các yếu tố ngoài nước có ảnh hưởng mạnh đến phát triển KT-XH trong nước, trong đó các biến chính sách là quan trọng nhất, và thông qua sử dụng mô hình dự báo ta nhận được tác động của của các chính sách đến các biến mục tiêu của chính sách. Thay đổi giá trị của bộ các biến ngoại sinh này ta sẽ nhận được mô phỏng tác động của chính sách và từ các bộ giá trị được thiết kế người ta sẽ xác định được chính sách tối ưu được ban hành nên là gì? Việc mô phỏng,

phân tích và đánh giá tác động chính sách bằng sử dụng mô hình dự báo theo cách như vậy là phương pháp phân tích định lượng chính sách được sử dụng rất phổ biến hiện nay.

Việc mô phỏng và đánh giá tác động của chính sách có thể được thực hiện cho một loại chính sách (hay còn được gọi số chính sách đơn) hoặc cho tổng hợp của nhiều loại chính sách (được gọi là số chính sách tổng hợp). Trong thực tế chỉ đạo điều hành và quản lý nền kinh tế, để đối phó với những tác động tiêu cực ở trong và ngoài nước đến phát triển KT-XH trong nước Chính phủ thường phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp bằng việc ban hành một số loại chính sách kinh tế như chính sách tài chính, chính sách tiền tệ - tín dụng, chính sách tái cơ cấu nền kinh tế, chính sách kinh tế đối ngoại, ... khi đó cần thiết phải thực hiện mô phỏng và đánh giá tác động của các số chính sách tổng hợp. Mô hình dự báo cho phép mô phỏng và phân tích, đánh giá tác động của các số chính sách tổng hợp thường là những mô hình dự báo lớn và rất lớn.

Nhu cầu số liệu thống kê cho phân tích chính sách trong bài viết này là bàn về việc

xây dựng các mô hình dự báo KT-XH có khả năng mô phỏng, phân tích và đánh giá tác động của 4 loại chính sách kinh tế vĩ mô nêu trên.

## 5. Nhu cầu số liệu thống kê cho phân tích định lượng chính sách kinh tế vĩ mô

Phần này sẽ dựa vào Hình 1 và mục tiêu, nội dung của các chính sách kinh tế vĩ mô để xác định nhu cầu số liệu thống kê khi mô phỏng và phân tích, đánh giá tác động của các chính sách kinh tế.

### 5.1. Các chính sách tài chính

Mục tiêu của chính sách tài chính là nhằm ổn định và phát triển kinh tế theo định hướng của Nhà nước, kiểm soát thâm hụt ngân sách và xử lý nợ quốc gia. Chính sách tài chính bao gồm: các chính sách về huy động vốn và phát triển thị trường tài chính; chính sách về thuế và chính sách về ngân sách Nhà nước.

#### 5.1.1. Chính sách về huy động vốn và phát triển thị trường

Để phân tích các chính sách về huy động vốn cần có số liệu thống kê về vốn bao gồm vốn trong nước và vốn ngoài nước. Ở đây vốn trong nước gồm: vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn từ trong dân (vốn từ doanh nghiệp tự đầu tư, vốn từ một số đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách), vốn vay tín dụng ngân hàng (chẳng hạn trái phiếu); vốn từ các cơ quan tài chính trung gian như công ty bảo hiểm. Vốn nước ngoài gồm: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế gồm vốn ODA (không hoàn lại, vay có điều kiện, hợp tác đa phương) và viện trợ phát triển chính thức từ các nguồn chính thức; nợ quốc tế bao gồm: nợ chính phủ và nợ thương mại.

Cần có số liệu thống kê về phát triển thị trường gồm: Thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái và thị trường vốn. Về thị trường tiền

tệ: thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thị trường mở giữa các chủ thể kinh tế. Dữ liệu có thể được thống kê hàng ngày.

Về thị trường hối đoái: tỷ giá hối đoái danh nghĩa, tỷ giá hối đoái hiệu quả thực giữa VNĐ và một số ngoại tệ mạnh khác cũng như giữa các ngoại tệ mạnh này. Dữ liệu được thống kê hàng ngày.

Về thị trường chứng khoán: Thị trường sơ cấp: số lượng giao dịch và giá của những cổ phiếu sắp và đang phát hành và thị trường thứ cấp: chỉ số chứng khoán của Việt Nam và của một số chỉ số chứng khoán quốc tế quan trọng. Số lượng giao dịch và giá của một số cổ phiếu có tỷ lệ vốn hóa lớn hoặc đại diện cho xu hướng huy động vốn của một số ngành kinh tế ưu tiên, ... Mức vốn hóa thị trường phân theo các ngành kinh tế. Số liệu được thống kê hàng ngày.

Hiện tại Ngành Thống kê chưa cung cấp những số liệu như vậy.

#### 5.1.2. Chính sách thuế: là một trong những công cụ tài chính quan trọng nhất để điều tiết phát triển nền kinh tế và các quan hệ xã hội.

Thuế bao gồm thuế trực thu và thuế gián thu. Thuế trực thu là thuế đánh trực tiếp vào thu nhập bao gồm: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, trong khi thuế gián thu bao gồm thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế đánh vào vốn doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế cầu đường, thuế môn bài, thuế trước bạ giao thông, ...

Hiện tại việc tiếp cận số liệu thống kê có hệ thống của các loại thuế này là rất khó khăn. Chúng tôi chỉ có thể tìm được bằng cách tra cứu trong văn bản quy phạm pháp luật về các sắc thuế như vậy và có tính chất rất thời điểm.

Trong phân tích chính sách thuế chúng tôi có nhu cầu sử dụng số liệu thống kê về

thuế doanh thu được phân theo các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế và các vùng kinh tế? số liệu thống kê về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt được phân theo các nhóm ngành hàng; số liệu thống kê về thuế xuất nhập khẩu được phân theo nhóm ngành hàng xuất, nhập khẩu chủ đạo của nền kinh tế; số liệu thống kê về thuế đánh vào vốn doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế cầu đường, thuế môn bài, thuế trước bạ giao thông, ...

### 5.1.3. Chính sách ngân sách nhà nước

Chính sách ngân sách nhà nước liên quan đến chính sách thu – chi ngân sách. Việc phân tích đánh giá tác động của các chính sách ngân sách liên quan đến việc dự báo thu và tác động của việc phân bổ ngân sách (hay chính sách chi).

Để phân tích chính sách ngân sách nhà nước cần có số liệu thống kê về thu ngân sách nhà nước theo các nguồn thu: thu từ thuế, phí, lệ phí; thu từ hoạt động kinh tế của nhà nước: phân theo lĩnh vực hoạt động và các ngành kinh tế; các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức từ thiện và các nhân, các khoản vay của chính phủ phân theo các ngành kinh tế, các khoản viện trợ, các khoản thu khác. Về số liệu chi ngân sách nhà nước (bao gồm chi thường xuyên và chi phát triển) thì rất cần số liệu thống kê về chi đầu tư phát triển phân theo các ngành kinh tế, ít nhất đến 21 ngành kinh tế cấp 1, và cần chi tiết đến một số ngành cấp 2, cấp 3, ..., – đó là những ngành mũi nhọn hoặc được định hướng phát triển (như chi đầu tư phát triển cho ngành công nghệ thông tin, vật liệu mới, sản xuất nông nghiệp sạch, logistic, ...) và các vùng kinh tế.

Các số liệu thống kê về thu chi ngân sách đã ngày càng được cải thiện hơn, tuy nhiên số liệu về chi đầu tư phát triển còn thiếu chi tiết.

## 5.2. Chính sách tiền tệ - tín dụng

Tiền tệ có 5 chức năng cơ bản: chức năng đo giá trị, chức năng phương tiện lưu thông, chức năng thanh toán, chức năng phương tiện dự trữ và chức năng tiền tệ thế giới. Thông qua thực hiện các chức năng này, tiền tệ có vai trò cực kỳ quan trọng trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế thể hiện: nó là phương tiện hữu hiệu để phát triển sản xuất, kinh doanh và ổn định nền kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, tiền tệ là công cụ quan trọng để quản lý vĩ mô nền kinh tế, cụ thể là để thực hiện các chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách ngoại thương

Mục tiêu của chính sách tiền tệ - tín dụng là nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát, tạo công ăn việc làm, ổn định thị trường tài chính, điều tiết sản xuất kinh doanh và mở rộng tiềm năng phát triển của nền kinh tế. Chính sách tiền tệ - tín dụng gồm các loại chính sách cơ bản sau: chính sách điều tiết khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế, chính sách tín dụng, chính sách ngoại hối và chính sách tạm ứng cho ngân sách nhà nước.

### 5.2.1. Chính sách điều tiết khối lượng tiền tệ:

Mục tiêu của chính sách điều tiết khối lượng tiền tệ là làm dung hòa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát thấp, việc làm cao, cán cân thanh toán quốc tế ổn định. Để phân tích chính sách này cần có số liệu thống kê về cung tiền M1 và cung tiền M2 (hay tổng phương tiện thanh toán trong nền kinh tế), tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng thương mại, lãi suất chiết khấu và tái chiết khấu, lãi suất không kỳ hạn và có kỳ hạn như ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của đại diện hệ thống ngân hàng thương mại mà nhà nước không có hoặc có sở hữu vốn; tín dụng cho nền kinh tế: phân theo các ngành

kinh tế. Lưu ý rằng số liệu về cung tiền M2 cần được thống kê chi tiết hơn gồm: tiền lưu thông ngoài ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền tiết kiệm trong ngân hàng và các tiền gửi của các định chế tài chính khác. Các số liệu nêu trên cần được thống kê theo tần suất tháng, quý, năm.

Hiện tại số liệu thống kê phục vụ phân tích chính sách điều tiết khối lượng tiền tệ là chưa có trong Hệ thống thống kê Nhà nước, việc tiếp cận những số liệu này là rất khó khăn.

#### *5.2.2. Chính sách tín dụng:*

Mục tiêu chính của chính sách tín dụng là nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kìm chế lạm phát, tạo công ăn việc làm. Chính sách tín dụng bao gồm chính sách lãi suất, tín dụng, thị trường mở và hạn chế tín dụng. Ngoài việc sử dụng những số liệu thống kê để phân tích chính sách điều tiết khối lượng tiền tệ nêu trên, để phân tích chính sách tín dụng cần có số liệu thống kê về tín dụng phân theo các ngành kinh tế (ít nhất là cho 21 ngành kinh tế cấp 1) và phân theo các thành phần kinh tế, vùng kinh tế. Lượng mua và bán ngoại tệ của ngân hàng Nhà nước. Số liệu nêu trên nên được thống kê theo tần suất tháng. Hiện tại chỉ tiếp cận được số liệu thống kê về tín dụng cho toàn nền kinh tế theo tần suất tháng.

#### *5.2.3. Chính sách ngoại hối:*

Chính sách ngoại hối bao gồm chính sách dự trữ ngoại hối và chính sách tỷ giá hối đoái. Để phân tích chính sách ngoại hối, ngoài số liệu thống kê về tỷ giá hối đoái đã được nói ở phần trên, cần có số liệu thống kê về dự trữ ngoại hối. Các số liệu này nên được thống kê theo tần suất ngày, hoặc ít nhất là được thống kê theo tần suất tuần.

#### *5.2.4. Chính sách tạm ứng cho ngân sách nhà nước:*

Để phân tích chính sách tạm ứng cho ngân sách nhà nước cần có số liệu thống kê về cơ cấu tiêu dùng và tiết kiệm của các đối tượng chịu thuế; số liệu thống kê về đầu tư tư nhân, đầu tư của nhà nước, về vay của ngân hàng trung ương, vay của nước ngoài, vay của dân cư và vay của ngân hàng thương mại trong nước. Những số liệu thống kê này hiện chỉ có một phần (đầu tư tư nhân, đầu tư của nhà nước), các số liệu thống kê còn lại hiện thiếu vắng, chưa được tiếp cận qua hệ thống thống kê nhà nước.

Những số liệu trong phần này nên được thống kê, thu thập theo tần suất quý, năm.

### **5.3. Chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Chính sách cơ cấu kinh tế đóng vai trò quyết định trong phát triển cơ cấu kinh tế quốc gia. Cơ cấu kinh tế gồm: Cơ cấu ngành kinh tế, Cơ cấu các thành phần kinh tế, Cơ cấu vùng kinh tế, Cơ cấu xuất nhập khẩu, Cơ cấu công nghệ, Cơ cấu kết cấu hạ tầng.

Mục tiêu của chính sách cơ cấu kinh tế nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu của nền kinh tế phát triển: tăng trưởng cao, ổn định và bền vững; phúc lợi cao và công bằng, xóa đói giảm nghèo, giải quyết triệt để vấn đề môi trường.

Sự thay đổi của cơ cấu kinh tế phản ánh rõ nét sự thay đổi cấu trúc các nguồn lực của nền kinh tế. Quan niệm của kinh tế học cổ điển, tân cổ điển và của học thuyết kinh tế cơ cấu mới về cấu trúc nguồn lực có sự khác nhau. Theo kinh tế học cổ điển, cấu trúc nguồn lực của một nền kinh tế bao gồm: tài nguyên (đất đai, khoáng sản,...), vốn và lao động, nhưng theo học thuyết kinh tế cơ cấu mới [2] thì vốn được hiểu rộng hơn bao gồm vốn vật chất và vốn con người, và trong cấu trúc các nguồn lực của nền kinh tế còn

có thêm cơ sở hạ tầng bao gồm cơ sở hạ tầng cứng (năng lượng, viễn thông, sân bay, bến cảng, đường bộ, đường sắt,... và cơ sở hạ tầng mềm: các thể chế, các quy định, nguồn vốn xã hội, các thỏa thuận kinh tế, xã hội khác).

Các số liệu thống kê cần thiết cho phân tích cơ cấu kinh tế

- Số liệu thống kê phản ánh các yếu tố bên ngoài có tác động đến thay đổi cơ cấu các nguồn lực, đến tăng trưởng các ngành kinh tế của Việt Nam, trong đó bao gồm giá thể giới của những nguyên liệu đầu vào của nền kinh tế.

- Số liệu thống kê giá so sánh của một số sản phẩm thiết yếu của đời sống dân sinh; giá trong nước và ngoài nước của các sản phẩm xuất nhập khẩu chủ đạo của nền kinh tế;

- Số liệu thống kê về tài nguyên thiên nhiên của quốc gia, trong đó nhất là số liệu về đất đai, một số tài nguyên khoáng sản chính;

- Số liệu thống kê về cơ sở hạ tầng bao gồm cơ sở hạ tầng cứng (đường xá, sân bay, bến cảng, năng lượng, viễn thông, ...) và cơ sở hạ tầng mềm (vốn xã hội và các thỏa thuận kinh tế, xã hội khác; các thể chế và các quy định, nhất là những thể chế, quy định liên quan đến tích lũy vốn, đầu tư, nâng cấp và/hoặc phát triển ngành kinh tế mới;...);

- Số liệu thống kê về lao động và cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế phân theo nghề và kỹ năng nghề, phân theo ngành đào tạo và đào tạo nghề;

- Số liệu thống kê về đầu tư cho y tế, giáo dục và đào tạo. Thông tin, dữ liệu về tiền lương trong các ngành kinh tế phân theo trình độ và kỹ năng nghề. Thông tin và tiền công, tiền lương trung bình trong các hộ gia đình và các loại hình doanh nghiệp;

- Số liệu thống kê về công nghệ sản xuất đang được sử dụng trong các loại hình doanh nghiệp của Việt Nam;

- Tổng ngân sách của nền kinh tế và cơ cấu phân bổ ngân sách.

#### 5.4. Chính sách kinh tế đối ngoại

Bao gồm chính sách ngoại thương, chính sách đầu tư nước ngoài, chính sách tỷ giá, chính sách hợp tác khoa học kỹ thuật với nước ngoài, ...

- Chính sách ngoại thương bao gồm chính sách mậu dịch tự do và chính sách bảo hộ mậu dịch. Công cụ thực hiện chính sách ngoại thương là: thuế quan (nhất là thuế xuất, nhập khẩu hoặc thuế quá cảnh theo các nhóm ngành hàng), trợ cấp xuất khẩu.

- Chính sách đầu tư nước ngoài bao gồm chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và chính sách đầu tư ra nước ngoài. Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài. Để phân tích chính sách ngoại thương cần có số liệu thống kê về vốn đầu tư (tổng vốn đăng ký, vốn đăng ký mới, vốn bổ sung, vốn thực hiện) phân theo nhóm ngành hàng, theo các ngành kinh tế, các vùng miền và địa phương. Số liệu thống kê và lượng và tỷ lệ thuế doanh nghiệp nước ngoài nộp cho nhà nước phân theo nhóm ngành hàng, các ngành kinh tế, các vùng và miền địa phương. Số liệu thống kê về lượng và thuế chuyển lợi nhuận về nước bao gồm: lợi nhuận, giá trị chuyển nhượng công nghệ và dịch vụ, vốn đầu tư thu hồi, gốc và lãi từ các khoản nợ thu được. Số liệu thống kê về thời hạn thuê đất, hình thức đầu tư, về lao động làm việc trong các khu vực có vốn đầu tư nước ngoài phân theo các ngành kinh tế, các vùng miền.

- Chính sách hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ: Để phân tích chính sách này cần có số liệu thống kê về số lượng các chuyên gia và các bộ khoa học và đào tạo trình độ cao ở trong nước và nước ngoài



phân theo các ngành nghề đào tạo; số lượng các dự án hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ phân theo tỷ lệ góp vốn, ngành kinh tế, và theo vùng miền; số lượng và giá trị của các dự án, chương trình hợp tác nghiên cứu phân theo tỷ lệ góp vốn, ngành kinh tế, và theo vùng miền.

- Chính sách tỷ giá hối đoái bao gồm chế độ tỷ giá hối đoái (thả nổi hay cố định), phương pháp xác định tỷ giá hối đoái và chính sách quản lý ngoại hối. Số liệu thống kê cần thiết cho phân tích chính sách tỷ giá hối đoái đã được nêu ở những phần trước đó.

### **5.5. Mô phỏng và đánh giá tác động của 4 loại chính sách kinh tế vĩ mô**

Các số liệu thống kê cần thiết cho phân tích 4 loại chính sách kinh tế vĩ mô được nêu ở trên tương ứng với 4 tiểu mục trên là rất quan trọng và rất nhiều số liệu trong chúng là giá trị của các biến ngoại sinh chính sách trong mô hình dự báo kinh tế vĩ mô. Các số liệu thống kê như vậy vẫn chưa đủ để phân tích định lượng chính sách bằng sử dụng mô hình dự báo trong Hình 1. Cụ thể để mô phỏng và phân tích đánh giá tác động của 4 chính sách kinh tế vĩ mô, cần có số liệu thống kê phản ánh mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và mục tiêu cơ cấu của các chính sách này.

#### *5.5.1 Về mục tiêu kinh tế:*

Cần có số liệu thống kê phản ánh về tăng trưởng, lạm phát, lao động việc làm và cán cân thanh toán quốc tế.

- Số liệu thống kê phản ánh tăng trưởng của nền kinh tế chính là tốc độ tăng trưởng GDP và GDP theo giá so sánh và giá hiện hành của các ngành kinh tế và các vùng kinh tế (ít nhất bao gồm 21 ngành kinh tế cấp một và một số ngành kinh tế cấp 2 quan trọng là những ngành được Nhà nước định hướng ưu tiên phát triển, tốt nhất là đến 88

ngành kinh tế cấp 2). Các số liệu này được thống kê theo tần suất quý. Các chỉ số phát triển công nghiệp, chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho của các ngành kinh tế (gồm các ngành kinh tế cấp 1 và cấp 2).

- Số liệu thống kê phản ánh lạm phát bao gồm lạm phát cơ bản; lạm phát giá tiêu dùng của toàn nền kinh tế và theo các ổ hàng hóa; các chỉ số giá vàng và đô la; chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và chỉ số của nhà sản xuất phân theo các ngành sản xuất và hoặc các nhóm ngành hàng, ...

- Về lao động việc làm: cần có số liệu thống kê về lực lượng lao động, số việc làm thêm mới, tỷ lệ thất nghiệp phân theo nhóm tuổi trong đó nhất là nhóm lao động trẻ được phân theo thành thị, nông thôn, nam, nữ, vùng miền, ...

- Về cán cân thanh toán quốc tế: Cần có số liệu chi tiết về cán cân vốn, trong đó bao gồm số liệu về tài khoản vãng lai và nợ nước ngoài, và cán cân ngoại thương. Số liệu thống kê liên quan đến cán cân ngoại thương cần được thống kê chi tiết đến các nhóm ngành hàng.

#### *5.5.2 Mục tiêu công bằng và tiến bộ xã hội*

Để đánh giá tác động của các chính sách kinh tế đến sự công bằng và tiến bộ xã hội, cần có số liệu về thu nhập và tiêu dùng, tỷ lệ nghèo đói của dân cư thành thị, nông thôn và theo vùng miền; cần có số liệu thống kê về chi cho y tế, giáo dục, hưởng thụ văn hóa tinh thần, sử dụng nước sạch của các hộ gia đình ở thành thị, nông thôn và theo vùng miền, ... cũng như số liệu về cơ cấu lao động theo nhóm độ tuổi, theo các ngành kinh tế, thành phần kinh tế, nam nữ, thành thị nông thôn, và theo các vùng miền.

#### *5.5.3 Mục tiêu cơ cấu kinh tế*

Số liệu thống kê phản ánh mục tiêu của cơ cấu kinh tế ở mục này đã được bao hàm trong mục 3 ở trên.

### **6. Nhu cầu số liệu thống kê cho phân tích chính sách kinh tế vĩ mô theo luồng dữ liệu thời gian thực**

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, cách tiếp cận xây dựng các mô hình dự báo KT-XH đã có nhiều thay đổi. Tiếp theo bài [3], ở bài viết này chúng tôi bổ sung nhu cầu số liệu thống kê phục vụ phân tích chính sách kinh tế vĩ mô theo luồng dữ liệu thời gian thực.

Vài năm gần đây trong lĩnh vực phân tích và dự báo kinh tế, người ta nói nhiều đến mô hình dự báo tên là nowcasting. Mô hình nowcasting là mô hình cho phép dự báo hiện tại, quá khứ rất gần và dự báo tương lai. Mô hình nowcasting cho phép dự báo các chỉ số kinh tế ở tần suất thấp (chẳng hạn như quý) theo dữ liệu của các biến ngoại sinh được thu thập ở tần suất cao hơn (chẳng hạn như dữ liệu ở tần suất ngày, tháng). Khi đó theo luồng dữ liệu được phát hành chẳng hạn theo ngày/tháng người ta có thể cập nhật lại dự báo của các chỉ số kinh tế ở tần suất quý ngay tại quý hiện tại và ở các quý tiếp theo. Nói cách khác các mô hình nowcasting cho phép cập nhật lại dự báo theo luồng dữ liệu thời gian thực, tức là mỗi khi dữ liệu được công bố thì kết quả dự báo sẽ được điều chỉnh lại cho sát với diễn biến của tình hình KT-XH.

Xây dựng mô hình nowcasting được quan tâm đặc biệt trong những năm gần đây ở rất nhiều quốc gia. Việc xây dựng mô hình nowcasting liên quan chặt chẽ với việc xử lý dữ liệu lớn big data. Dữ liệu được sử dụng xây dựng các mô hình như vậy bao gồm các số liệu cứng và số liệu mềm. Số liệu cứng là số liệu thống kê được thu thập

theo các phương pháp truyền thống trong khi dữ liệu mềm là các số liệu được thu thập từ các cuộc điều tra, từ các mạng xã hội và trong quá trình hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp. Các dữ liệu mềm thường được thu thập theo tần suất ngày, tuần.

Với việc sử dụng mô hình nowcasting, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô có thể nhận diện được hàng ngày. Nói cách khác khi đó người ta có thể mô phỏng, phân tích và đánh giá tác động chính sách theo luồng dữ liệu thời gian thực.

Phân tích chính sách theo luồng dữ liệu thời gian thực đòi hỏi phải có số liệu, trong đó bao gồm các số liệu thống kê cũng như số liệu từ các cuộc điều tra thống kê để xây dựng mô hình dự báo KT-XH. Đó là thách thức và cũng là cơ hội của Hệ thống thống kê nhà nước. Trước hết Hệ thống thống kê nhà nước nên xem xét bổ sung thêm thông tin cần được điều tra trong các cuộc điều tra quốc gia và điều tra chuyên ngành, đồng thời cải tiến việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu các cuộc điều tra như vậy cho xã hội.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân: Giáo trình chính sách KT-XH, Nhà Xuất bản Khoa học Kỹ thuật, 2007, 479 trang;
2. Justin Yifu Lin (2012). Học thuyết kinh tế cơ cấu mới. Bản dịch tiếng Việt của Ngân hàng thế giới, Lưu tại Thư viện Quốc hội, 356 trang.
3. Đỗ Văn Thành (2020). Cơ hội và thách thức của hệ thống thống kê Nhà nước trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Hội thảo khởi động xây dựng Chiến lược phát triển Ngành Thống kê giai đoạn 2021-2030. Đại Lai, 7/2020.